

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 16 THÁNG 05 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						297 631	153 706	149 000			
I		CẢNG CHÍNH						85 875	49 228	41 723			
		<i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>						51 345	49 228	7 192			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN I	12/05	866/05		VIỆT THUẬN 235-02	CẨM 6A.1	25 000	24 994	6	16/05		
2		CROMIT THANH HOÁ	09/05	849/05	24/05	BN 1718	BÙN 3B	1 480	1 467	13	16/05	TD	THAY TBGT SỐ 795/04 NGÀY 29/04/2025
3		CP TTC	31/05	886/05	31/05	HN 2089	CỤC 4A.1	1 200	1 188	12	16/05		
4		THAN ƯƠNG BÍ	14/05	881/05	31/05	BN 1804	BÙN 3B	830	821	9	16/05	TD	THAY TBGT SỐ 860/05 NGÀY 11/05/2025
5		KDT NINH BÌNH	31/05	887/05	15/05	BN 2397	CẨM 4B.1	1 000	994	6	16/05	TD	
6		THAN MIỀN NAM	13/05	877/05		VIỆT THUẬN 095-02	CẨM 5A.1	9 000	8 708	292	17/05		
7		THAN ƯƠNG BÍ	14/05	882/05	31/05	BN 2635	BÙN 3B	840	835	5	17/05	TD	THAY TBGT SỐ 860/05 NGÀY 11/05/2025
8		CP TM DV VINACOMIN	18/05	809/05	31/05	BN 1826	CỤC XỎ 1C	1 020	1 013	7	17/05	TD	GIA HẠN L1
9		KDT BẮC THÁI	31/05	888/05	16/05	BN 1296	CẨM 1	1 250	1 243	7	17/05	TD	THAY TBRT SỐ 572/03 NGÀY 29/04/2025
10		DTM TM DV VINACOMIN	02/05	809/05	16/05	BN 1826	CỤC XỎ 1C	1 020	1 013	7	17/05	TD	
11		CP VTT VINACOMIN	31/05	891/05	17/05	BN 2006	BÙN 3B	900	888	12	18/05	TD	THAY TBRT SỐ 799/04 NGÀY 06/05/2025
12		VTRACO	09/05	852/05	24/05	BN 1309	CỤC XỎ 1C	1 000	988	12	18/05	TD	
13		KDT HÀ NỘI	31/05	290/05	17/05	BN 2646	CỤC 4A.2	1 000	947	1 000	18/05	TD	
14		ĐẠM NINH BÌNH	31/05	893/05	18/05	NB 8828	CẨM 4A.1	2 760	2 719	2 760	18/05		món: 2,718,75
15		ĐẠM NINH BÌNH	31/05	894/05	18/05	NB 8955	CẨM 4A.1	3 045	1 409	3 045	DỠ		
		<i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>						34 530		34 531			
1		KDT BẮC THÁI	29/04	572/04	30/04	HD 2095	CẨM 1	1 988		1 988		TD	GIA HẠN L1
2		KDT BẮC THÁI	29/04	573/04	30/04	BN 2022	CẨM 2A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
3		KDT BẮC THÁI	29/04	574/03	30/04	BN 1958	CẨM 4A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
4		CROMIT THANH HOÁ	30/04	614/04	29/04	BN 2565	BÙN 3A	1 958		1 958		TD	GIA HẠN L1
5		CROMIT THANH HOÁ	30/04	615/04	29/04	BN 2395	BÙN 3B	1 969		1 969		TD	GIA HẠN L1
6		CP VTT VINACOMIN	02/05	808/05	16/05	BN 0988	CỤC XỎ 1C	1 030		1 030		TD	
7		XD CN MỎ	04/05	815/05	19/05	BN 1459	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
8		DVVT QUẢNG NINH	05/05	816/05	20/05	BN 0719	CỤC XỎ 1C	1 100		1 100		TD	
9		CP HÀNG HẢI VN	12/05	818-B/05	20/05	BN 2616	BÙN 3B	1 700		1 700		TD	THAY TBGT SỐ 818/05 NGÀY 05/05/2025
10		ĐT TMDV VINACOMIN	06/05	827/05	21/05	BN 1997	CỤC XỎ 1C	1 050		1 050		TD	
11		ĐT TMDV VINACOMIN	06/05	832/05	21/05	BN 2122	CẨM 4B.1	2 000		2 000		TD	
12		THAN SỐNG HỒNG	06/05	834/05	21/05	BN 1858	CỤC XỎ 1C	1 040		1 040		TD	
13		VTT VINACOMIN	07/05	838/05	22/05	BN 1336	CỤC XỎ 1C	1 020		1 020		TD	THAY TBGT SỐ 808/05 NGÀY 02/05/2025

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 16 THÁNG 05 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
14		DVVT QUẢNG NINH	07/05	841/05	22/05	BN 2228	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
15		CROMIT THANH HOÁ	08/05	843/05	14/05	NĐ 2926	BÙN 3B	1 408		1 408		TD	
16		ĐIỆN NGHI SƠN	10/05	857/05		TRƯỜNG SA 126	CÁM 5A.10	5 250		5 250			
17		ĐẠM HÀ BẮC	13/05	872/05	28/05	1TD 51	CÁM 4A.1	2 362		2 363			
18		KDT NINH BÌNH	14/05	878/05	31/05	BN 8519	CÁM 4A.1	3 005		3 005			
19		THAN UÔNG BÍ	14/05	880/05	31/05	BN 1886	BÙN 3B	900		900		TD	THAY TBGT SỐ 860/05 NGÀY 11/05/2025
20		KDT CẦU ĐUÔNG	15/05	884/05	31/05	BN 2056	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
21		KDT BẮC THÁI	15/05	885/05	31/05	BN 1368	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
22		KDT BẮC THÁI	31/05	892/05	18/05	BN 0746	CÁM 1	750		750		TD	THAY TBRT SỐ 572/03 NGÀY 29/04/2025
		Tàu chuyển tải						117 600	67 185	50 415			
		Tàu đang làm hàng						94 800	67 185	27 615			
1		ĐIỆN VŨNG ÁNG 1	10/05	858/05		TRƯỜNG NGUYỄN OCEAN	CÁM 5A.10	23 300	19 295	4 005	DỎ		KVDB:4.300 - CLM:19.000
2		ĐIỆN DUYÊN HẢI 1	10/05	854/05		VIỆT THUẬN 30-05	CÁM 5B.14	25 500	24 890	610	DỎ		TTHG: 6.500 - KDT CP:19.000
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	12/05	865/05		VIỆT THUẬN OCEAN	CÁM 6A.1	46 000	23 000	23 000	DỎ		TTCO: 10.000 - TTHG:36.000
		Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)						22 800		22 800			
1		ĐIỆN VŨNG ÁNG 1	12/05	870/05		QUANG VINH 188	CÁM 5A.14	22 800		22 800			
II		KHO G9-HÓA CHẤT						58 672	14 112	44 560			
		Tàu đã làm hàng						14 238	14 112	126			
1		MIỀN BẮC	16/5	770	28/5	BN - 2728	CÁM 7C	2 585	2 555	30	16/5	PT CB	
2		MIỀN BẮC	16/5	815	28/5	NB - 6039	CÁM 7B	1 729	1 718	12	16/5	PT CB	
3		HÀ NỘI	14/5	689	27/5	BN - 1368	CỤC 1A	1 000	983	17	16/5	TD	
4		CROMIT THANH HOÁ	15/5	740	22/5	QN - 8134	CỤC 1B	1 000	985	15	16/5	TD	
5		MIỀN BẮC	17/5	845	31/5	BN - 2329	CÁM 7B	1 500	1 480	20	17/5	PT CB	
6		MIỀN BẮC	17/5	846	31/5	BN - 1799	CÁM 7B	1 090	1 083	7	17/5	PT CB	
7		CROMIT THANH HOÁ	17/5	853	31/5	HD - 8388	Cám 8A	2 219	2 210	9	18/5	TD	
8		CROMIT THANH HOÁ	17/5	862	31/5	HD - 2558	Cám 8A	2 080	2 068	12	18/5	TD	
9		CROMIT THANH HOÁ	29/4	1 531	30/4	NB - 8881	CÁM 8A	1 035	1 030	5	18/05	TD	
		Tàu đã làm lệnh						44 434		44 434			
1		CP DVVT QNINH	01/5	1482/4	15/5	BN - 2699	CỤC 8C	1 700		1 700		TD	
2		CP VT&KD THAN	29/4	1 493	30/4	BN- 1879	CỤC 8C	1 050		1 050		TD	
3		CP ĐTTM&DV	29/4	1 499	30/4	BN - 1468	CỤC 8C	1 000		1 000		TD	
4		COALIMEX	10/5	1511/4	25/5	HD - 2528	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
5		SX&TM THAN UÔNG BÍ	29/4	1 516	30/4	BN - 1997	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 16 THÁNG 05 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
6		MIỀN NAM	29/4	1 520	30/4	THÀNH AN 45	CÁM 8A	1 945		1 945		TD	
7		COALIMEX	29/4	1 532	30/4	BN - 0988	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
8		COALIMEX	29/4	1 535	30/4	BN - 2023	CÁM 8A	2 000		2 000		TD	
9		COALIMEX	30/4	1 542	30/4	BN - 2128	CỤC 8C	1 000		1 000		TD	
10		XD CN MỎ	30/4	1 544	30/4	BN - 2228	CÁM 8A	1 050		1 050		TD	
11		COALIMEX	30/4	1 675	30/4	BN - 2646	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
12		CP DVVT QNINH	06/5	227	21/5	BN - 1936	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
13		CP ĐTTM&DV	07/5	259	22/5	BN - 1835	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
14		CP VT THUỶ	07/5	260	22/5	BN - 1296	CỤC 1B	1 050		1 050		TD	
15		CP HÀNG HẢI VN	08/5	335	23/5	BN - 2006	CÁM 8A	1 048		1 048		TD	
16		HẢI PHÒNG	08/5	344	23/5	HD - 7688	CÁM 8A	2 000		2 000		TD	
17		CP VT&KD THÂN	08/5	356	23/5	BN - 2005	CÁM 8A	1 150		1 150		TD	
18		CP HÀNG HẢI VN	09/5	382	24/5	BN - 1818	CÁM 8A	1 982		1 982		TD	
19		CP ĐTTM&DV	10/5	414	24/5	BN - 1996	CÁM 8A	2 096		2 096		TD	
20		CP ĐTTM&DV	10/5	430	24/5	BN - 0739	CỤC 1B	1 050		1 050		TD	
21		MIỀN BẮC	10/5	487	25/5	HD - 3529	CÁM 7C	2 300		2 300		PT CB	
22		CP ĐTTM&DV	10/5	490	22/5	BN - 1839	CỤC 1B	1 020		1 020		TD	
23		CP DVVT QNINH	11/5	525	25/5	BN - 1368	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
24		COALIMEX	13/5	595	27/5	BN - 1758	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
25		CP ĐTTM&DV	15/5	738	22/5	BN - 2269	CÁM 8A	10 000		10 000		TD	
26		CẦU ĐUÔNG	17/5	854	31/5	BN - 2225	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
27		SÔNG HỒNG	17/5	860	31/5	BN - 1348	CỤC 1B	993		993		TD	
28		COALIMEX	17/5	863	31/5	BN - 2228	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
III		KHO BẢO NGUYỄN						11 424	11 151	273			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>						11 424	11 151	273			
1		ĐIỆN DUYÊN HẢI		2992		AN HƯNG 88	Cám 5b.14	2 564	2 499	65	16/05		
2		ĐIỆN DUYÊN HẢI		3044		SƠN HẢI 10	Cám 5b.14	3 650	3 560	90	17/05		
3		ĐIỆN DUYÊN HẢI		3044		SƠN HẢI 07	Cám 5b.14	2 294	2 185	109	17/05		
4		ĐLDK HÀ TĨNH		3058		QN 1176	Cám 5a.14	2 916	2 907	9	18/05		
		<i>Tàu đã làm lệnh</i>											
IV		KHO CẢNG KM6						4 060	4 041	19			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>						4 060	4 041	19			
1		CROMIT CỔ THANH HÓA	15/5	756	29/5	TH 0686	Cám 5a.1	960	957	3	16/05	CBPT	

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 16 THÁNG 05 NĂM 2025

[illegible]

|

|

|

